

TIỀM NĂNG VÀ GIÁ TRỊ CÔNG NGHIỆP ĐÁ ỐP LÁT KHU VỰC TRUNG TRUNG BỘ

NGUYỄN VĂN LỢI, TRẦN VĂN THINH

Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ, 613 Nguyễn Thái Học, TP Quy Nhơn

Tóm tắt: Theo tài liệu đã điều tra và thăm dò, đá ốp lát thuộc các tỉnh Trung Trung Bộ có tài nguyên rất lớn, chất lượng tốt và màu sắc đẹp được thị trường ưa chuộng, như các màu đỏ, hồng, đen và vàng.

Công tác khai thác, chế biến đá ốp lát ở Trung Trung Bộ khá phát triển so với cả nước, do ở đây có nguồn đá màu sắc đẹp, chất lượng tốt và giao thông thuận lợi, tuy nhiên, mức độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Công tác điều tra đá ốp lát trong vùng chủ yếu mới ở mức dự báo tiềm năng, phổ biến là điều tra và khai thác đá lẫn; việc đầu tư đánh giá và thăm dò đá gốc còn hạn chế.

Trong thời gian tới, việc điều tra, đánh giá và thăm dò đá ốp lát bằng các nguồn vốn khác nhau cần được đầu tư xứng đáng, với sự chú trọng thăm dò đá gốc, áp dụng công nghệ khai thác và chế biến hiện đại, cải cách thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển ngành công nghiệp đá ốp lát ở Trung Trung Bộ.

I. TỔNG QUAN VỀ NGÀNH KHAI THÁC - CHẾ BIẾN ĐÁ ỐP LÁT VIỆT NAM

Đá tự nhiên sử dụng trong xây dựng và mỹ nghệ đã được ông cha ta chế tác và sử dụng trong nhiều công trình kiến trúc cổ đại có giá trị cách đây hàng ngàn năm. Đến đầu những năm 1990, đá ốp lát ở nước ta mới dần phát triển thành một ngành công nghiệp, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

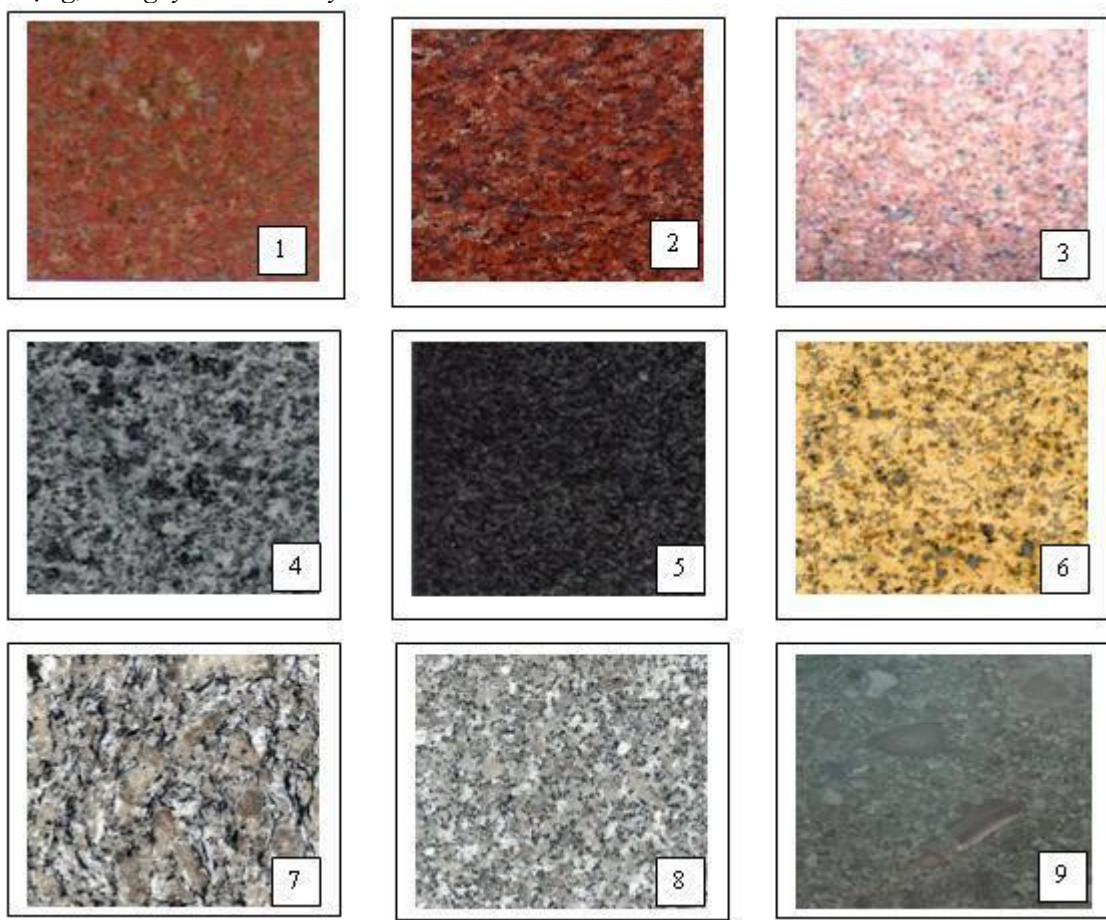
Nguồn khoáng sản để sản xuất đá ốp lát ở nước ta phong phú cả về chủng loại, màu sắc và tiềm năng. Đó là các loại đá granit, gabbro, bazan, đá hoa, thạch anh, đá biến chất kết tinh, các loại đá và sỏi mỹ nghệ, v.v.. Chúng có màu sắc và vân hoa đẹp, gồm: đỏ, vàng, trắng, hồng, xanh, lục, đen, v.v.. Theo kết quả điều tra địa chất ở các miền Tây Bắc Bộ, Đông Bắc Bộ, Trung Bộ - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, đá làm nguyên liệu ốp lát ở Việt Nam có tài nguyên rất lớn, đảm bảo đủ để khai thác, chế biến phục vụ xây dựng và xuất khẩu lâu dài.

Đá ốp lát Việt Nam được sử dụng rất đa dạng, từ các công trình xây dựng, kiến trúc đến nghệ thuật và trang trí. Các địa phương có tiềm năng và phát triển mạnh ngành khai thác và chế biến đá ốp lát gồm có Thanh Hoá, Nghệ An, Bình Định, Khánh Hoà, Phú Yên, Gia Lai, Quảng Nam, Ninh Thuận và Lâm Đồng, chủ yếu thuộc Trung Bộ [2-8].

Đá ốp lát Việt Nam đã được sử dụng rộng rãi trong nước và xuất khẩu đến 85 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Sản lượng khai thác chế biến năm 1990 là 0,2 triệu m², năm 2000 là 1,52 triệu m² và đến năm 2008 là 6,5 triệu m² đá ốp lát các loại. Kim ngạch xuất khẩu đá ốp lát cả nước năm 2001 đạt 15 triệu USD, đến năm 2008 đạt 117 triệu USD [6].

Tuy nhiên, công nghệ khai thác, chế biến đá ốp lát ở nước ta chưa được hiện đại và bền vững. Chỉ có một số ít mỏ được đầu tư máy móc khai thác và chế biến ở mức tiên tiến, còn phần lớn mỏ

* Trữ lượng, tài nguyên chưa chuyển đổi



Hình 1. Một số loại đá ốp lát có màu sắc điển hình ở Trung Trung Bộ.

Ghi chú: 1- Màu đỏ; 2- Màu đỏ thẫm- 3: Màu hồng; 4- Màu xám đen; 5- Màu đen; 6- Màu vàng; 7- Màu xám vân mây; 8- Màu xám sáng; 9- Màu xám xanh.

Căn cứ vào nguồn gốc và tính chất của đá, có thể tóm tắt một số đặc điểm và giá trị công nghiệp các đá ốp lát trong vùng theo các phức hệ đá magma như sau.

1. Granit ốp lát phức hệ Vân Canh: Granit phức hệ Vân Canh có mặt nhiều nhất ở nam tỉnh Bình Định, bắc tỉnh Phú Yên, tỉnh Gia Lai, còn lại ở các tỉnh khác chỉ xuất lộ rải rác. Granit Vân Canh có chất lượng và màu sắc đẹp nhất, đồng thời có khối lượng lớn nhất để làm nguyên liệu ốp lát trong khu vực. Đá chủ yếu thuộc các pha 1 và 2 của phức hệ, gồm granit biotit, granosyenit, granit hạt lớn đến vừa. Các mỏ hầu hết nằm ở địa hình núi, có độ cao từ 50 đến 200-300 m; lớp phong hóa trên mặt dày trung bình 18-30 m. Đá gốc thường lộ thành vách hoặc trải rộng, độ sâu đới nứt nẻ dập vỡ đến 30 m. Đá lẩn thường tập trung ở độ cao trên 100 m, mật độ tập trung trên mặt khoảng 15-20 %, kích thước phổ biến 1-5 m³.

Granit phức hệ Vân Canh chủ yếu có màu hồng, hồng đỏ, đỏ và vàng nhạt. Vân hoa dạng đốm hạt không đều, đốm hạt lớn dạng porphyr, đốm bao thể. Độ nguyên khối trung bình đến tốt, thể trọng 2,5-2,67 g/cm³; cường độ kháng nén 1685-2230 kg/cm²; cường độ kháng kéo 163-186 kg/cm²; độ mài mòn 0,62-0,65 %; độ bóng sản phẩm 400-600 hạt ánh sáng/cm².

Các mỏ granit thuộc phức hệ Vân Canh khai thác làm nguyên liệu ốp lát điển hình tập trung chủ yếu phía nam tỉnh Bình Định, thuộc các huyện An Nhơn, Vân Canh và Tuy Phước, và huyện Chư Sê tỉnh Gia Lai với màu sắc đặc trưng là đỏ, hồng, trắng phớt hồng, trắng xám; trong đó mỏ đá đỏ An Trường đã được khai thác nhiều năm và trở thành mỏ đá có màu sắc đẹp nổi tiếng trong và ngoài nước.

2. Granit ốp lát phức hệ Đèo Cả: Granit ốp lát thuộc phức hệ Đèo Cả có trong vùng là granit biotit hạt vừa không đều; kiến trúc hạt nửa tự hình, cấu tạo khối. Đá bị nứt nẻ mạnh, độ sâu đới phong hóa trung bình là 20 m, có nơi đến 100 m; độ nguyên khối trung bình. Đá có màu sắc chủ yếu là trắng, trắng sữa, trắng xám, hồng nhạt, xám sáng phớt hồng và xám. Mức tô điểm thuộc bậc cao; vân hoa đốm đều trên nền trắng phớt hồng; độ bóng trên 90%; tỉ trọng 2,63-2,68 g/cm³; cường độ kháng nén 1635-2400 kg/cm².

Số lượng các mỏ và điểm đá granit ốp lát thuộc phức hệ Đèo Cả được điều tra và khai thác đứng sau đá phức hệ Vân Canh. Các khối đá phức hệ này thường có quy mô lớn, điều kiện giao thông thuận lợi; nằm phổ biến ở các huyện Phù Cát, Phù Mỹ tỉnh Bình Định và một vài tỉnh khác như Phú Yên, Khánh Hoà. Mức độ đầu tư thăm dò khai thác granit phức hệ Đèo Cả còn ít, có lẽ do màu sắc đá phức hệ này chưa được ưa chuộng như các đá Vân Canh.

Ngoài đá granit thuộc 2 phức hệ trên, rải rác trong các tỉnh từ Quảng Nam đến Ninh Thuận có một số khối đá granit thuộc các phức hệ Hải Vân, Đại Lộc, Chu Lai và Quế Sơn có màu xám trắng, phớt hồng, hoa văn đẹp, chất lượng đạt yêu cầu nguyên liệu ốp lát và đang được khai thác tại một số mỏ. Tại Ninh Thuận, có các đá granit màu xanh trứng sáo thuộc phức hệ Định Quán.

3. Đá màu đen thuộc các phức hệ Cù Mông, Định Quán và Cha Val: Đá màu đen đạt yêu cầu làm đá ốp lát gồm đá gabbro, gabbro diabas, gabbro pyroxen, gabbro diorit. Đá thường có màu đen, xám đen, xanh đen, độ hạt đều, cấu tạo khối, màu sắc ổn định. Thành phần khoáng vật màu chủ yếu của các đá tối màu gồm: plagioclas, pyroxen, hornblend. Tùy loại đá mà thành phần mỗi loại thay đổi từ vài chục đến 70-80% trong đá. Tính chất cơ lý: độ hút nước: 0,05-0,07%; tỷ trọng: 2,8-3,1 g/cm³; dung trọng: >2,8 g/cm³, độ bóng sản phẩm cao, màu sắc sang trọng và được ưa chuộng nhiều trong trang trí.

Các thể đá màu đen thường thuộc các pha đá mạch xuyên lên trong các đá có trước, nên quy mô nhỏ, ít tập trung, thường có dạng kéo dài. Do vậy, các thể đá ốp lát màu đen đã được phát hiện nhiều, nhưng chỉ có một số nơi có khối lượng đá tập trung để trở thành mỏ có triển vọng. Điển hình về đá đen có các mỏ gabbro Sơn Xuân tỉnh Phú Yên, mỏ gabbro diorit Núi Một tỉnh Ninh Thuận, mỏ đá đen ở Bình Thuận. Các mỏ này có quy mô trung bình, đá chất lượng tốt, điều kiện khai thác thuận tiện, màu sắc đẹp, được thị trường ưa chuộng. Nổi bật nhất là mỏ đá đen Sơn Xuân, tỉnh Phú Yên.

III. VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐÁ ỐP LÁT Ở TRUNG TRUNG BỘ

Theo tài liệu điều tra đã có, tài nguyên đá ốp lát thuộc các tỉnh Nam Trung Bộ đã thăm dò đạt khoảng vài triệu m³, đánh giá cấp C₁ và C₂ là 140 triệu m³, dự báo cấp P₁ là 400 triệu m³ và dự báo cấp P₂ trên 1 tỷ m³. Nhiều mỏ có đá màu sắc đẹp được thị trường rất ưa chuộng, như màu đỏ, hồng, đen; điều kiện khai thác thuận lợi. Nói chung, mức độ đầu tư điều tra, đánh giá và thăm dò đá ốp lát trong vùng còn rất hạn chế. Các đề án chuyên đánh giá đá ốp lát của Nhà nước chủ yếu sử dụng các phương pháp điều tra trên mặt, còn ít công trình sâu, trong khi các khối đá dưới sâu bị nứt nẻ nhiều do ảnh hưởng của chuyển động địa chất. Các doanh nghiệp chủ yếu đầu tư đánh giá và khai thác đá lẫn, mới chỉ có một số mỏ hoặc diện tích nhỏ có đầu tư thăm dò khai thác đá gốc.

Công tác khai thác, chế biến đá ốp lát thiên nhiên ở Trung Trung Bộ khá phát triển so với cả nước, do ở đây có nguồn đá màu sắc đẹp, chất lượng tốt và điều kiện giao thông thuận lợi. Hầu hết ở các tỉnh từ Quảng Nam vào đến Bình Thuận đều có khai thác đá ốp lát, nhưng mỗi tỉnh chỉ dành ba mỏ, với khối lượng hàng chục ngàn mét khối đá chưa chế biến. Mỗi tỉnh có một vài cơ sở chế biến đá ốp lát, nhưng công nghệ và quy mô không lớn. Công tác khai thác và chế biến đá ốp lát trong khu vực phát triển nhất là tỉnh Bình Định, sau đó đến Phú Yên, Khánh Hoà. Tại Bình Định, khối lượng đá khối khai thác mới đáp ứng được một nửa công suất chế biến của các nhà máy trong tỉnh.

Như vậy, có thể nói công tác điều tra nguồn khoáng sản đá ốp lát trong vùng chủ yếu mới ở mức dự báo tiềm năng, đầu tư thăm dò khai thác phát triển chậm, còn ở quy mô nhỏ, thiếu tập trung, chưa tương xứng với tiềm năng loại khoáng sản này, đặc biệt đối với nhóm đá sáng màu. Để phát triển ngành công nghiệp khai thác chế biến đá ốp lát, tăng đáng kể sản lượng đá xuất khẩu cần đầu tư cho một số nhiệm vụ sau đây:

1. Đầu tư xứng đáng cho điều tra, đánh giá tiềm năng, khoanh định các diện tích có đá ốp lát để có đủ cơ sở xây dựng quy hoạch thăm dò, khai thác và phát triển ngành công nghiệp khai thác, chế biến đá ốp lát.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thăm dò, khai thác và chế biến đá ốp lát, đổi mới các quy định kỹ thuật về thăm dò đá ốp lát, ứng dụng công nghệ khai thác chế biến hiện đại, chú trọng khai thác đá gốc. Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư thăm dò khai thác đá nguyên liệu, đáp ứng công suất chế biến của các nhà máy.

3. Quảng bá sản phẩm đá ốp lát granit Việt Nam và mở rộng thị trường để xuất khẩu thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và cơ quan xúc tiến thương mại.

Với tiềm năng to lớn của nguồn đá ốp lát khu vực Trung Trung Bộ cùng với năng lực chế biến và khai thác hiện có của các doanh nghiệp và các địa phương, nếu có chủ trương đầu tư đúng, chắc chắn ngành đá ốp lát trong khu vực sẽ phát triển mạnh trong những năm tới, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương và cả nước.

VĂN LIỆU

1. **Cục Địa chất và Khoáng sản VN.** Các báo cáo kết quả đo vẽ địa chất - khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 các nhóm tờ vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. *Lưu trữ ĐC, Hà Nội*

2. **Lê Công Tuấn, 2003.** Báo cáo Đánh giá đá ốp lát Chư Gô, Chư A Thai, Ia Le, tỉnh Gia Lai. *Lưu trữ Liên đoàn ĐC TTB, Quy Nhơn.*

3. **Lê Văn Hoàn, 2003.** Báo cáo Đánh giá đá ốp lát tỉnh Ninh Thuận. *Lưu trữ Liên đoàn ĐC TTB. Quy Nhơn.*

4. **Nguyễn Thành Tín, 1993.** Báo cáo Tìm kiếm, đánh giá đá ốp lát màu đỏ khu vực An Nhơn, tỉnh Bình Định. *Lưu trữ Liên đoàn ĐC TTB, Quy Nhơn.*

5. **Phạm Quang Thắng, 2001.** Báo cáo Tìm kiếm, đánh giá đá gabbro Sơn Xuân, Phú Yên. *Lưu trữ Liên đoàn ĐC TTB, Quy Nhơn.*

6. **Trần Văn Huỳnh, 2010.** Thị trường đá ốp lát Việt Nam, cơ hội đầu tư và tiềm năng phát triển. *Lưu trữ Liên đoàn ĐC TTB, Quy Nhơn.*

7. **Trần Văn Thịnh, 1996.** Báo cáo Tìm kiếm đá ốp lát các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên. *Lưu trữ Liên đoàn ĐC TTB, Quy Nhơn.*

8. Trường Đại học Mở - Địa chất, 1995. Báo cáo Đánh giá tiềm năng đá ốp lát tỉnh Bình Định. *Lưu trữ ĐHM-ĐC, Hà Nội.*